

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2021/HS-ST

Ngày: 16 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tài Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Đạt.

2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Bùi Quốc Hùng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2021/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **BẠCH THỊ THU N**- Sinh ngày 23 tháng 12 năm 1983.

Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Mỹ Thạnh N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Trình độ học vấn lớp: 06/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Bạch Ngọc T và bà Phạm Thị T; chồng: Lê Công M; con: Hai đứa (lớn nhất sinh năm 2003; nhỏ nhất sinh năm 2006); Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Từ ngày 09/01/2021 đến ngày 15/01/2021; tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+Ông Lê Công M, sinh năm 1974. Vắng mặt không có lý do.

Trú tại địa chỉ: Thôn Mỹ Thạnh N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

+Ông Nguyễn T, sinh năm 1972. Vắng mặt không có lý do.

+Ông Nguyễn N, sinh năm 1977. Vắng mặt không có lý do.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn An T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976. Vắng mặt không có lý do.

Trú tại địa chỉ: Xóm 2, thôn A, xã Ng, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

+Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1986. Vắng mặt không có lý do.

Trú tại địa chỉ: Thôn Tân L, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 09/01/2021, có hai người đàn ông (*chưa xác định nhân thân lai lịch*) vào quán cà phê, karaoke “*Quỳnh T*”, ở thôn Mỹ Thạnh N, xã N, huyện T do Bạch Thị Thu N quản lý hỏi gái để mua dâm, Ngân trả lời: “*có*” và nói giá để gọi gái đến bán dâm là: 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) đối với mỗi người/1 lượt. Nghe N nói vậy thì hai người đàn ông này đều đồng ý. Lúc này người đàn ông đưa cho N số tiền 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) để mua dâm. Sau khi nhận tiền xong, N sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Coolpal F129, màu xanh đen có gắn sim mobifone số : 0702.764.199 gọi cho Nguyễn Thị S sinh năm 1986, ở thôn T, xã An C, huyện T, tỉnh Phú Yên qua số điện thoại 0964.554.027 và nói: “*có khách lên làm*”. Sau khi liên lạc được với S, N tiếp tục sử dụng điện thoại di động nêu trên gọi cho Nguyễn Thị T sinh năm 1976, ở thôn An H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi qua số điện thoại 0778.701.320 và nói: “*chị T, tới quán có khách*”, nghe N nói vậy, T hỏi N: “*Khách lạ hay khách quen*”, N trả lời “*khách quen hát ở quán em rồi*”. Sau khi Ngân điện thoại xong thì S điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát: 76U1-4454 đến quán Quỳnh T. Tại đây Sen để xe mô tô, biển kiểm soát: 76U1-4454 phía trước sân rồi đi vào bên trong quán gặp N và hỏi: “*Hát karaoke hay đi khách vậy chị*”, N trả lời: “*Đi khách*” (tức bán dâm), S đồng ý. Sau đó S nói với N đưa cho S ít khăn lạnh và bao cao su. N tìm đưa cho S 03 (ba) cái khăn lạnh, hiệu Happy và 01 (một) bao cao su hiệu Hoa Hồng. S cầm lấy khăn lạnh và bao cao su đi đến vị trí hai người đàn ông đang ngồi và nói: “*Đi*”, nhưng hai người đàn ông nói : “*Em chờ tí, chờ một người con gái đến nữa rồi đi*”. Khoảng 10 phút sau, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 76E1-307.47, nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu sơn Đỏ đến quán Quỳnh T. Khi vào trong quán, T đến gặp N và hỏi: “*Tiếp khách hát karaoke hay đi khách*”, N trả lời: “*Đi khách*”, N chỉ tay về phía hai người đàn ông đang ngồi và nói: “*Hai người này muốn đi*” (tức là muốn mua dâm), T đồng ý. Sau đó, N đưa cho T 03 (ba) cái khăn lạnh, hiệu Happy và 01 (một) bao cao su hiệu Hoa Hồng, rồi N bảo T dẫn một người đàn ông vào phòng số 3 của dãy phòng hát karaoke quán Quỳnh T (tính từ hướng Bắc vào Nam) và bảo S dẫn một người đàn ông vào phòng số 2 của dãy phòng hát karaoke quán Quỳnh T (tính từ hướng Bắc vào Nam). Sau khi T và S dẫn hai người đàn ông vào hai phòng số 03 và số 02 của dãy phòng hát Karaoke quán Quỳnh T thì N sử dụng hai ổ khóa bằng kim loại, màu vàng khóa cửa bên ngoài, nhằm đề phòng việc kiểm tra, xử lý của Cơ quan Công an. Sau khi vào bên trong phòng số 02 thì S và người đàn ông tiến hành quan hệ tình dục; tại phòng số 03 thì người đàn

ông và T tiến hành quan hệ tình dục với nhau. Bạch Thị Thu N thỏa thuận với Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị S là mỗi lần khách đến mua dâm tại quán karaoke “*Quỳnh T*” thì N thu của khách mỗi người số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) trên một lượt. Số tiền trên N đưa lại cho người bán dâm 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) còn N nhận số tiền 100.000đồng (Một trăm nghìn đồng). Vào ngày 09/01/2021, N chưa đưa tiền cho Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị S thì bị bắt quả tang. Khi bắt quả tang người đàn ông quan hệ tình dục với Nguyễn Thị S khai tên là Nguyễn N; người quan hệ tình dục với Nguyễn Thị T khai tên là Nguyễn T.

Bản Cáo trạng số: 283/CT-VKSTN-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Bạch Thị Thu N về tội “*Chứa mại dâm*” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên giữ quyền Công tố tại phiên tòa, phân tích hành vi phạm tội của bị cáo và tính chất của vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ngân thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; từ năm 2020 đến nay bị cáo sống ly thân với chồng, hiện nay đang nuôi hai con và là lao động chính trong gia đình, bị cáo hiện đang mang thai. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo N mức án từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự, để xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa bị cáo Bạch Thị Thu N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 09/01/2021 bị cáo Bạch Thị Thu N là người trực tiếp quản lý và điều hành quán cà phê karaoke “*Quỳnh T*”, ở thôn Mỹ

Thanh N, xã N, huyện T đã đồng ý và để hai người khách nam tên Nguyễn T và Nguyễn N cùng hai người phụ nữ tên Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị T vào thực hiện hành vi mua bán dâm tại hai phòng số 02 và 03 để thu lợi bất chính với số tiền là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Đây là hành vi “chứa mại dâm”.

Hành vi của bị cáo Bạch Thị Thu N, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi, truy tố về tội “*chứa mại dâm*” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý công cộng, xâm phạm đến đời sống văn hóa và thuần phong mỹ tục nhất là đối với người phụ nữ, gây bức xúc, bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và răn đe kẻ khác phạm tội.

[3] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Bạch Thị Thu N ở giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; từ năm 2020 đến nay bị cáo sống ly thân với chồng, bị cáo là lao động chính đang nuôi hai con, bị cáo hiện đang mang thai. Áp dụng điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 giảm hình phạt cho bị cáo và không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú theo dõi giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo tiến bộ.

[5] Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa phân tích hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên phạt bị cáo N mức án từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Đối với hai người mua dâm tại phòng số 02 và số 03 khi bị bắt quả tang khai họ tên là: Nguyễn Th và Nguyễn N. Qua Điều tra, xác minh của Cơ quan điều tra Công an huyện Tư Nghĩa thì lai lịch của T và N theo thông tin đã khai thì không có hai người này. Cơ quan điều tra Công an huyện Tư Nghĩa không xử lý được là có căn cứ.

[7] Đối với hành vi bán dâm của Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị S, Cơ quan điều tra Công an huyện Tư Nghĩa áp dụng vào khoản 1 Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là có căn cứ.

[8] Đối với ông Lê Công M (chồng của bị cáo N) là người đại diện hộ kinh doanh quán cà phê, karaoke “*Quỳnh T*”. Tuy nhiên, trong năm 2020 đến nay giữa N và M sống ly thân, không chung sống với nhau nữa. Hiện nay, M

không có mặt ở địa phương đi đâu làm gì không rõ, Cơ quan điều tra Công an huyện Tư Nghĩa không làm việc được, nên không có căn cứ để xử lý là đúng pháp luật.

[9].Vật chứng: Số vật chứng đã thu giữ tại thời điểm phạm tội quả tang, hiện nay Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06 tháng 5 năm 2021, xử lý như sau:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Coolpal F129, màu xanh đen (chưa kiểm tra chất lượng bên trong bên trong) là của bị cáo Bạch Thị Thu N dùng liên lạc với Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị T đến quán cà phê, karaoke “*Quỳnh T*” (do bị cáo N quản lý) để bán dâm cho khách. Đây là phương tiện phạm tội nên tịch thu hóa giá bán nộp vào ngân sách nhà nước .

- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Masstel A116, màu xanh(chưa kiểm tra chất lượng bên trong bên trong) là của Nguyễn Thị T liên lạc với bị cáo N để đến thực hiện hành vi bán dâm, tại quán cà phê, karaoke “*Quỳnh T*” (do bị cáo N quản lý). Nên cần phải tịch thu hóa giá bán nộp vào ngân sách nhà nước.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu BIRD, màu đen đỏ (chưa kiểm tra chất lượng bên trong bên trong) là của Nguyễn Thị S liên lạc với bị cáo N để đến thực hiện hành vi bán dâm, tại quán cà phê, karaôkê “*Quỳnh T*” (do bị cáo N quản lý). Nên cần phải tịch thu hóa giá bán nộp vào ngân sách nhà nước.

- Số tiền mặt thu của bị cáo Bạch Thị Thu N tại thời điểm phạm tội là 1.171.000đồng (Một triệu, một trăm, bảy mươi một nghìn đồng). Ở giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai có nhận của người đến mua dâm với số tiền là 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng), chưa đưa tiền cho người đến bán dâm, đây là số tiền thu lợi bất chính nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại 571.000đồng (Năm trăm bảy mươi một nghìn đồng) là của bị cáo, tuyên trả lại cho bị cáo N.

- Đối với 02 (Hai) vỏ bao cao su có dòng chữ “*Hoa Hồng*” trên bao, đã bị xé rách một đầu và hai ruột bao cao su đã qua sử dụng; 06 (Sáu) khăn ướt “*Happy*”, trong đó: 05 (Năm) khăn còn nguyên và 01 (Một) khăn đã qua sử dụng; 01(Một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng, hiệu: Việt-Tiếp (phần móc khóa đã bị cắt đứt); 01 (Một) ổ khóa bằng kim loại màu vàng, hiệu: Rarlux đã bị rỉ sắt (móc khóa đã bị uốn cong) và 01 (Một) chùm chìa khóa, gồm 18 (mười tám) chìa các loại và có kích thước khác nhau. Các vật chứng này có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần phải tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo Bạch Thị Thu N phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố Bị cáo Bạch Thị Thu N, phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

2.Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: bị cáo Bạch Thị Thu N 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/6/2021).

Giao bị cáo Bạch Thị Thu N cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo N trong suốt thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Bạch Thị Thu N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Bạch Thị Thu N cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Bạch Thị Thu N phải chấp hành hình phạt tù của bản án.

3.Án phí: Bị cáo Bạch Thị Thu N phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4.Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử lý cụ thể như sau:

- Tịch thu hóa giá bán nộp vào ngân sách nhà nước gồm:

- + 01(Một) điện thoại di động hiệu Coolpal F129, màu xanh đen; 01(Một) điện thoại di động hiệu Masstel A116, màu xanh; 01 (Một) điện thoại di động hiệu BIRD, màu đen đỏ (đều chưa kiểm tra chất lượng bên trong).

- Tịch thu tiêu hủy gồm:

- + 02 (Hai) vỏ bao cao su có dòng chữ “Hoa Hồng” trên bao, đã bị xé rách một đầu và 02 (Hai) ruột bao cao su đã qua sử dụng; 06 (Sáu) khăn ướt “Happy” (trong đó: 05 (Năm) khăn còn nguyên và 01(Một) khăn đã qua sử dụng); 01 (Một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng, hiệu: Việt-Tiếp (phần móc khóa đã bị cắt đứt); 01 (Một) ổ khóa bằng kim loại màu vàng, hiệu: Rarlux đã bị rỉ sắt (móc khóa đã bị uốn cong) và 01 (Một) chùm chìa khóa, gồm 18(Mười tám) chìa các loại và có kích thước khác nhau.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Bạch Thị Thu N số tiền mặt là: 571.000đồng (Năm trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Số vật chứng nêu trên, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Tư Nghĩa và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tư Nghĩa).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Công an huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Sở tư pháp Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Tài Tính